Phụ lục 75 - Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính

Đơn vị: VĂN PHÒNG SỞ CÔNG THƯƠNG
Chương: 416

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Tĩnh, ngày 6 tháng 10 năm 2026

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2026

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 03 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/03/2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước

Văn phòng Sở Công Thương công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 9 tháng đầu năm 2026 như sau:

A PHẦN SỐ LIỆU

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2025 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**	**200,00**	**217,147**	**108,57**	**94,21**
1	**Thu lệ phí**				
2	**Thu phí**	**200,00**	**217,147**	**108,57**	**94,21**
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	40,0	16,350	40,88	41,60
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100,0	94,764	94,76	89,66
2.3	Phí, lệ phí TĐ cấp Giấy phép HĐ điện lực	3,0		-	
2.4	Phí TĐ cấp phép vật liệu nổ Công nghiệp	6,0	2	33,33	33,33
2.5	Phí TĐ cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	48,0	55,25	115,10	69,50
2.6	Phí cấp giấy CN đủ điều kiện SX, KD hóa chất	3,0		-	
2.7	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O	0,0	48,783	100,00	100,00
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**	**0,0**	**0,00**		-
1	***Chi sự nghiệp kinh tế***				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	***Chi quản lý hành chính***	***0,00***	**0,000**		-
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	0,00			-
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Thực hiện 9 tháng đầu năm	Thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Thực hiện so với 9 tháng đầu năm 2025 (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**	**200,00**	**217,147**	**108,57**	**464,79**
1	***Lệ phí***				
2	***Phí***	**200,00**	**217,147**	**108,57**	**464,79**
2.1	Phí, lệ phí kinh doanh thương mại có điều kiện	40,0	16,350	40,88	154,70
2.2	Phí thẩm định thiết kế - dự toán công trình điện	100	94,764	94,76	482,26
2.3	Phí, lệ phí TĐ cấp Giấy phép HĐ điện lực	3		-	
2.4	Phí thẩm định cấp phép vật liệu nổ CN	6	2,000	33,33	333,33
2.5	Phí TĐ cấp giấy CN cơ sở đủ điều kiện ATTP	48	55,250	115,10	347,48
2,6	Phí cấp giấy CN đủ điều kiện SX, KD hóa chất	3			
2.7	Phí chứng nhận xuất xứ hàng hóa C/O	0	48,783	100,00	100,00
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**				
I	**Nguồn ngân sách trong nước**	**13.017,0**	**6.940,89**	**53,32**	**86,97**
1	**Chi quản lý hành chính**	**10.147,0**	**6.126,23**	**60,37**	**89,52**
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	8.860	5.747,20	64,87	88,78
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	1.287	379,03	29,45	102,59
2	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**	**38**	-	-	-
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	38		-	-
3	**Chi hoạt động kinh tế**	**2.832**	**814,66**	**28,77**	**72,51**
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	2.832	814,659	28,77	72,51

B PHẦN THUYẾT MINH

1 Thu phí và lệ phí

Tổng số thu 217.147.938 đồng, đạt 108,57% kế hoạch được giao trong năm, đạt 94,21% so với cùng kỳ năm trước.

Thu nộp ngân sách nhà nước 217.147.938 đồng vào ngân sách nhà nước theo quy định.

2 Phần chi ngân sách

2.1 Chi thực hiện quản lý nhà nước nguồn tự chủ 5.747.201.911 đồng, đạt 64,87% Kế hoạch được giao, đạt 88,78% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể:

Chi tiền lương, các khoản phụ cấp theo lương: 4.656.636.031đồng

Chi phúc lợi tập thể: 444.036.000 đồng

Chi dịch vụ công cộng, thông tin tuyên truyền, văn phòng phẩm : 257.304.480 đồng

Chi Hội nghị, công tác phí, Thuê mướn: 174.740.000 đồng

Chi sữa chữa nhà, công nghệ thông tin; chi nghiệp vụ: 49.481.000 đồng

Chi các khoản khác:165.004.400 đồng

2.2 *Chi Quản lý Nhà nước nguồn không tự chủ: 379.030.000 đồng, đạt 29,45% so với Kế hoạch được giao, vượt 102,59% so với cùng kỳ năm trước*

2.3 *Chi sự nghiệp 814.659.753 đồng, đạt 28,77% kế hoạch được giao, đạt 72,51% so với cùng kỳ cụ thể:*

Chi sự nghiệp công nghiệp: 645.394.753 đồng

Chi sự nghiệp thương mại: 169.265.000 đồng

2.4 *Chi đào tạo: chưa phát sinh*

Ngày 06 tháng 10 năm 2026

KT GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH HÀ TĨNH

Dương Thanh Hòa